

Từ ghép – Từ láy

1. Xếp các từ ghép sau vào bảng phù hợp:

cười nụ

đầu đuôi

ấm ướt

suy nghĩ

Từ ghép chính phụ



Từ ghép đẳng lập



nhà máy

nhà ăn

xanh ngắt

lâu đời

2. Chọn từ ghép gồm các tiếng đồng nghĩa hoặc gần nghĩa:

<i>đầu đuôi</i>	<i>lựa chọn</i>	<i>màu sắc</i>	<i>gần xa</i>	<i>yêu mến</i>
☐	☐	☐	☐	☐
<i>đó đây</i>	<i>cứng rắn</i>	<i>to nhỏ</i>	<i>khó dễ</i>	<i>hư hỏng</i>
☐	☐	☐	☐	☐

Những từ còn lại là:

3. Chọn từ lấy bộ phận

☐ *bần bật*

☐ *lặng lẽ*

☐ *tức tưởi*

☐ *thăm thẳm*

☐ *rực rỡ*

☐ *rón rén*

☐ *nức nở*

☐ *chiêm chiếp*

☐ *nặng nề*

☐ *riú rít*

☐ *riú ran*

☐ *lạnh lạnh*

Những từ còn lại là:

4. Xếp các từ bảng phù hợp:

máu mủ

râu ria

lấp ló

tươi tốt

khang khác

nấu nướng

đông đủ

đông đúc

nhanch nhen

hăng hái

